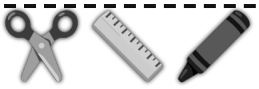
PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 3

Unit 8 My school things · Lesson 2–3 (SGK tr. 58–61)

Tuần 14

Họ và tên: ..... Lớp: .....



Bài 1: Vocabulary: điền chữ cái còn thiếu

pen__il pencil c__se note__ook era__er

rul__r bo__k s__hool bag h__ve

Bài 2: Circle the correct answer

1. Do you have a pencil? – Yes, I ... (A) have (B) do (C) don't
2. Do you have ... eraser? (A) an (a) (C) do
3. Do you have a notebook? – No, I ... (A) do (B) don't (C) can't
4. ... you have a pencil case? (A) Is (B) May (C) Do

Bài 3: Put the words in order

1. have / you / Do / ruler? / a

.....

2. I / Yes, / do.

.....

3. eraser. / have / I / an

.....

Bài 4: Phonics: đọc to, khoanh từ có âm giống phần trong ( )

1. b(oo)k → (A) school (B) notebook (C) classroom
2. er(a)ser → (A) hand (B) name (C) that

Bài 5: Read and circle: đọc rồi khoanh câu trả lời đúng

Do you have an eraser?

Hi, I'm Hiền. This is my school bag. I have a notebook, a pencil case and a ruler. Bình: Do you have an eraser, Hiền? Hiền: No, I don't. Do you have an eraser? Bình: Yes, I do. I have a pencil and an eraser. Hiền: Thank you, Bình!

1. Trong cặp, Hiền có: (A) a ruler (B) a pen (C) an eraser
2. Hiền có tẩy không? (A) Yes, I do. (B) No, I don't.
3. Ai có tẩy? (A) Bình (B) Hiền
4. Bình có: (A) a pencil (B) a ruler (C) a book

Bài 6: Let's write: My school things

Viết 3 câu về đồ dùng học tập của em.

I have a ... / Do you have a ...? – Yes, I do. / No, I don't.

.....

.....

.....

.....

onthi.app
Ôn thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án

ĐÁP ÁN — TIẾNG ANH LỚP 3

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 14

Bài 1: Vocabulary: điền chữ cái còn thiếu

pencil pencil case notebook eraser ruler book school bag have

Bài 2: Circle the correct answer

1. **B** (do) 2. **A** (an) 3. **B** (don't) 4. **C** (Do)

Bài 3: Put the words in order

1. **Do you have a ruler?**
2. **Yes, I do.**
3. **I have an eraser.**

Bài 4: Phonics: đọc to, khoanh từ có âm giống phần trong ( )

1. **B** (notebook) 2. **B** (name)

Bài 5: Read and circle: đọc rồi khoanh câu trả lời đúng

1. **A** (a ruler)
2. **B** (No, I don't.)
3. **A** (Bình)
4. **A** (a pencil)

Bài 6: Let's write: My school things

Mẫu: I have a pencil case. I have two notebooks. I have an eraser.

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án